

Số: 32/2026/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, nội dung theo quy định tại Luật Công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới

sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 31/2025/TT-BKHCN ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm;

Căn cứ Thông tư số 32/2025/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển;

Căn cứ Thông tư số 42/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các trung tâm dữ liệu;

Xét Tờ trình số 571/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Tờ trình số 592/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án quy định tại khoản 6 Điều 40 Luật Công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Tờ trình số 595/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Tờ trình số 663/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Tờ trình số 749/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình dự thảo Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, nội dung theo quy định tại Luật Công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, nội dung theo quy định tại Luật Công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, nội dung theo quy định tại Luật Công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản pháp luật viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.
5. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa XI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL -Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm thông tin điều hành;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Dũng

QUY ĐỊNH

**Tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ
từ ngân sách địa phương cho các dự án, nội dung theo quy định tại
Luật Công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/2026/NQ-HĐND)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, nội dung theo quy định tại Luật Công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số.
- Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Công nghiệp công nghệ số.
- Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Công nghiệp công nghệ số.
- Hỗ trợ dự án tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn theo quy định tại khoản 6 Điều 40 Luật Công nghiệp công nghệ số.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các tổ chức, doanh nghiệp trong nước hoặc có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư thực hiện dự án thuộc một trong các loại hình dự án quy định tại Điều 1 Quy định này.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, thẩm định, phê duyệt và giám sát việc hỗ trợ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- “Dự án ở giai đoạn tiền ươm tạo” là dự án trong giai đoạn hoàn thiện ý tưởng thông qua các hoạt động nghiên cứu sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, kiểm chứng ý tưởng, nghiên cứu thị trường và lập kế hoạch khả thi phát triển sản phẩm/dịch vụ/giải pháp.
- “Dự án ở giai đoạn ươm tạo” là dự án trong giai đoạn phát triển sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, hoàn thiện mô hình kinh doanh và chiến lược phát triển thông qua các hoạt động: Tư vấn, kết nối với các thành phần của hệ sinh thái khởi

nghiệp sáng tạo công nghệ số, dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác.

3. “Dự án ở giai đoạn tăng tốc” là dự án trong giai đoạn đã có sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, khách hàng và có nhu cầu mở rộng thị trường, tìm kiếm nhà đầu tư thông qua các hoạt động: tư vấn, kết nối với các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo công nghệ số, đặc biệt là các quỹ đầu tư mạo hiểm, dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác.

4. “Tổ chức trung gian” là các tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án/hoạt động đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp công nghệ số được hưởng chính sách hỗ trợ sau đầu tư; trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được hỗ trợ của nhiều chính sách từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc các chương trình, dự án khác thì được lựa chọn một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

2. Việc hỗ trợ đối với từng dự án, hoạt động do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện theo đối tượng, điều kiện, nội dung và mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại Quy định này bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các khoản hỗ trợ được căn cứ kết quả nghiệm thu, thẩm định, xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc cơ quan, đơn vị thẩm định chuyên môn theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy định này.

4. Hồ sơ, chứng từ, báo cáo của tổ chức, doanh nghiệp phải đầy đủ, hợp lệ và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định.

5. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kết luận tổ chức, cá nhân có hành vi giả mạo, gian dối để được hưởng chính sách hỗ trợ theo Quy định này, sử dụng kinh phí hỗ trợ sai mục đích hoặc dự án không hoàn thành mục tiêu, nội dung theo quyết định phê duyệt do lỗi của tổ chức, cá nhân thì phải hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ đã nhận và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Việc thu hồi, quản lý, xử lý kinh phí hoàn trả và việc xử lý đối với trường hợp dự án không hoàn thành do sự kiện bất khả kháng hoặc nguyên nhân khách quan được cơ quan có thẩm quyền xác nhận được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

6. Việc giải ngân kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo tiến độ triển khai nội dung hỗ trợ đã được phê duyệt.

7. Thông tin về các dự án, doanh nghiệp được hỗ trợ được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long sau khi có kết quả phê duyệt hoặc báo cáo được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 5. Hỗ trợ dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số

1. Đối tượng hỗ trợ: Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo.

2. Tiêu chí hỗ trợ:

a) Đối với tổ chức được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam; được cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Vĩnh Long cấp quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.

Có phương án hoạt động, sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ phù hợp với mục tiêu dự án và mang lại hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Long.

Có vốn chủ sở hữu đáp ứng ít nhất 50% tổng mức đầu tư của dự án.

b) Đối với doanh nghiệp được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

Được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, đăng ký kinh doanh tại Việt Nam.

Được cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Vĩnh Long cấp quyết định đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, bảo vệ môi trường, bảo hiểm xã hội cho người lao động và các quy định của pháp luật hiện hành.

Có hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số và có hồ sơ, tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm thông qua ngành, nghề đăng ký kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ hoặc dự án đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

Có phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, phù hợp với mục tiêu dự án và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định trong quá trình xem xét hỗ trợ, dự kiến mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cho tỉnh Vĩnh Long về tạo việc làm, đóng góp ngân sách nhà nước, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy đổi mới công nghệ và phát triển hệ sinh thái công nghiệp công nghệ số.

Có vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính trong năm gần nhất nộp hồ sơ đáp ứng ít nhất 50% tổng mức đầu tư của dự án.

3. Điều kiện hỗ trợ:

a) Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm đáp ứng các điều kiện sau:

Có tổng vốn đầu tư của dự án từ 20 tỷ đồng trở lên; sản phẩm, dịch vụ của dự án phải thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm ban hành kèm theo Thông tư số 31/2025/TT-BKHCN ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Bộ

trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm.

Dự án đáp ứng các yêu cầu của pháp luật chuyên ngành về bảo vệ dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật có liên quan.

Dự án phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và phát triển công nghiệp công nghệ số của tỉnh; có phương án đào tạo, bồi dưỡng hoặc nâng cao kỹ năng số cho tối thiểu 30 lao động là người địa phương khi dự án đi vào vận hành, góp phần phát triển nguồn nhân lực công nghệ số của tỉnh.

b) Dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn đáp ứng các điều kiện sau:

Có tổng vốn đầu tư của dự án từ 20 tỷ đồng trở lên; Dự án có tài liệu minh chứng nhân sự tham gia hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử tại doanh nghiệp.

Có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chi tiết, trong đó xác định rõ số lượng kỹ sư, chuyên gia, lao động kỹ thuật cao dự kiến tuyển dụng và đào tạo; có thỏa thuận hợp tác chính thức với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đủ năng lực theo quy định của pháp luật để triển khai các chương trình đào tạo, thực tập.

Sản phẩm của dự án phải thuộc danh mục sản phẩm công nghệ số trọng điểm hoặc Danh mục nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển.

Dự án đáp ứng các yêu cầu của pháp luật chuyên ngành về bảo vệ dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật có liên quan.

c) Dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo đáp ứng các điều kiện sau:

Có tổng vốn đầu tư của dự án từ 40 tỷ đồng trở lên; Dự án đáp ứng các yêu cầu của pháp luật chuyên ngành về bảo vệ dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật có liên quan.

Đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu theo quy định tại Thông tư số 42/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các trung tâm dữ liệu.

Hệ thống phòng cháy, chữa cháy và an toàn thông tin theo quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

4. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Nội dung hỗ trợ: Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip

bán dẫn và dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị máy móc.

b) Mức hỗ trợ:

Mức hỗ trợ đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm: 30% áp dụng cho tổng mức đầu tư toàn bộ dự án nhưng tối đa không quá 08 tỷ đồng/dự án.

Mức hỗ trợ đối với dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn: 30% áp dụng cho tổng mức đầu tư toàn bộ dự án nhưng tối đa không quá 08 tỷ đồng/dự án.

Mức hỗ trợ đối với dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo: 30% áp dụng cho tổng mức đầu tư toàn bộ dự án nhưng tối đa không quá 15 tỷ đồng/dự án.

Điều 6. Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số

1. Đối tượng hỗ trợ: Đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số; thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số; nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm; tư vấn khởi nghiệp; mua công nghệ và hỗ trợ công nghệ.

2. Tiêu chí hỗ trợ:

Dự án được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí như sau:

a) Tính khả thi: Khả năng tăng trưởng doanh thu của tổ chức, cá nhân từ việc triển khai dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số đạt tối thiểu 20% trong 02 năm liên tiếp trên cơ sở phân tích các yếu tố thị phần, khả năng phát triển sản phẩm, dịch vụ của tổ chức, cá nhân, triển khai dự án khởi nghiệp sáng tạo, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

b) Tính sáng tạo và công nghệ: Ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực công nghệ số có khả năng tạo ra sản phẩm, dịch vụ hoặc quy trình mới nhằm tạo ra giá trị mới, giải quyết vấn đề thị trường hoặc kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Về nhân sự cho dự án: Đội ngũ nhân sự thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm thực hiện hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số. Có đội ngũ chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo hoặc đối tác hỗ trợ về công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, sở hữu trí tuệ, pháp lý, tài chính, quản trị, tiếp thị, kết nối đầu tư.

3. Điều kiện hỗ trợ:

Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số được hỗ trợ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Đối với doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy

chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, đăng ký hoạt động chính trong lĩnh vực công nghệ số và có dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số được triển khai trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Hồ sơ đề xuất đầy đủ, rõ ràng, xác định cụ thể mục tiêu, nội dung, phương án triển khai, kết quả đầu ra dự kiến, kế hoạch tài chính và cơ cấu nguồn vốn (bao gồm vốn đối ứng nếu có).

d) Đối với các dự án có nội dung chuyển giao công nghệ, cần phải có hợp đồng chuyển giao công nghệ theo quy định.

đ) Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số phải triển khai, tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

4. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số:

Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí tham gia các khóa đào tạo theo chứng chỉ của hãng công bố công nghệ về công nghệ số trong và ngoài nước cho nhân lực chủ chốt của dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

Mức hỗ trợ 50% chi phí, tối đa 80 triệu đồng cho mỗi giai đoạn tiền ươm tạo; giai đoạn ươm tạo và giai đoạn tăng tốc.

b) Thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số:

Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí cho việc thuê chuyên gia tư vấn hoặc tham gia trực tiếp dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

Mức hỗ trợ 50% chi phí, tối đa 100 triệu đồng cho mỗi giai đoạn tiền ươm tạo; giai đoạn ươm tạo và giai đoạn tăng tốc.

c) Nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm:

Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí thuê cơ sở vật chất, trang thiết bị, chi phí vật tư, linh kiện, thử nghiệm và phát triển sản phẩm mẫu cho dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

Mức hỗ trợ 50% chi phí đầu tư dự án cho mỗi giai đoạn: Giai đoạn tiền ươm tạo: tối đa 100 triệu đồng; giai đoạn ươm tạo: tối đa 200 triệu đồng; giai đoạn tăng tốc: tối đa 300 triệu đồng.

d) Tư vấn khởi nghiệp:

Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí thuê đơn vị tư vấn pháp lý hoàn thiện hồ sơ tài chính, hồ sơ kiểm toán để mời gọi đầu tư, tham gia các sự kiện kết nối đầu tư cho dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

Mức hỗ trợ 50% chi phí, tối đa 100 triệu đồng cho mỗi giai đoạn tiền ươm tạo; giai đoạn ươm tạo và giai đoạn tăng tốc.

đ) Mua công nghệ và hỗ trợ công nghệ:

Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí mua bản quyền công nghệ, giấy phép sử dụng phần mềm, các giải pháp công nghệ số cho dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

Mức hỗ trợ 50% chi phí dự án, tối đa 500 triệu đồng.

Điều 7. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn.

2. Tiêu chí hỗ trợ:

Doanh nghiệp được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Được cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Vĩnh Long cấp quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.

c) Đã tham gia vào lĩnh vực nghiên cứu, thiết kế chip bán dẫn.

d) Có phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, phù hợp mục tiêu dự án thiết kế chip bán dẫn, được cơ quan có thẩm quyền thẩm định trong quá trình xem xét hỗ trợ và dự kiến mang lại hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

đ) Có vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính trong năm gần nhất nộp hồ sơ đáp ứng ít nhất 50% tổng mức đầu tư của dự án.

3. Điều kiện hỗ trợ:

Dự án thiết kế chip bán dẫn của doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy định này được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên; phù hợp với định hướng phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn; có năng lực thiết kế chip, vi mạch tích hợp, sở hữu hoặc có quyền sử dụng công cụ, nền tảng để thiết kế chip bán dẫn.

b) Có nguồn nhân lực thiết kế vi mạch, điện tử, công nghệ thông tin; đội ngũ quản lý dự án có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu, thiết kế hoặc phát triển sản phẩm công nghệ cao.

c) Có sản phẩm mẫu, nền tảng mô phỏng hoặc giải pháp thiết kế chip cụ thể; có kế hoạch thương mại hóa hoặc ứng dụng trong các lĩnh vực công nghiệp, quốc phòng, nông nghiệp, đô thị thông minh, trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI), Internet vạn vật (Internet of Things - IoT).

d) Có sự liên kết, hợp tác nghiên cứu, đào tạo hoặc chuyển giao công nghệ với viện, trường, doanh nghiệp trong hoặc ngoài nước; dự án có tác động thúc đẩy hình thành chuỗi cung ứng, hệ sinh thái công nghiệp bán dẫn tại tỉnh.

đ) Có phương án tài chính khả thi, khả năng duy trì hoạt động ổn định, tái đầu tư và mở rộng quy mô; cam kết báo cáo, giám sát, công khai kết quả sử dụng nguồn hỗ trợ theo quy định.

4. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số: Mức hỗ trợ 50% áp dụng cho tổng mức đầu tư toàn bộ dự án nhưng tối đa không quá 08 tỷ đồng/dự án.

b) Nghiên cứu và phát triển: Mức hỗ trợ 5% áp dụng cho tổng mức đầu tư toàn bộ dự án nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án.

c) Sản xuất thử nghiệm: Mức hỗ trợ 25% áp dụng cho tổng mức đầu tư toàn bộ dự án nhưng tối đa không quá 04 tỷ đồng/dự án.

d) Mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ: Mức hỗ trợ 50% áp dụng cho tổng mức đầu tư toàn bộ dự án nhưng tối đa không quá 08 tỷ đồng/dự án.

đ) Đổi mới công nghệ: Mức hỗ trợ 25% áp dụng cho tổng mức đầu tư toàn bộ dự án nhưng tối đa không quá 04 tỷ đồng/dự án.

Điều 8. Hỗ trợ dự án tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn

1. Đối tượng hỗ trợ: Dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử.

2. Tiêu chí hỗ trợ:

a) Tổ chức được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, bảo đảm năng lực tài chính để triển khai dự án, được xác định thông qua các tiêu chí sau:

+ Đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, trường hợp pháp luật không quy định, vốn chủ sở hữu tối thiểu đạt 15% tổng mức đầu tư của dự án.

+ Có báo cáo tài chính trong 02 năm gần nhất (đối với tổ chức đang hoạt động), thể hiện tình hình tài chính lành mạnh, không có lỗ lũy kế lớn ảnh hưởng đến khả năng thực hiện dự án; có cam kết hỗ trợ tài chính từ tổ chức tín dụng hợp pháp hoặc phương án huy động vốn khả thi để bảo đảm phần vốn còn lại của dự án.

+ Không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng tại thời điểm xem xét hỗ trợ; Trường hợp là tổ chức mới thành lập, phải có xác nhận số dư tài khoản, cam kết góp vốn của các thành viên/cổ đông hoặc tài liệu chứng minh khả năng huy động vốn hợp pháp tương ứng với phần vốn góp.

- Có phương án sản xuất, kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cụ thể:

+ Đóng góp ngân sách tỉnh dự kiến đạt mức tối thiểu tính bình quân năm theo quy mô dự án trong 03 năm đầu kể từ khi dự án đi vào hoạt động ổn định: đối với dự án có tổng mức đầu tư từ 20 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng tối thiểu 2% tổng mức đầu tư/năm; đối với dự án có tổng mức đầu tư từ 100 tỷ đồng đến dưới 300 tỷ

đồng tối thiểu 1,5% tổng mức đầu tư/năm; đối với dự án có tổng mức đầu tư từ 300 tỷ đồng trở lên tối thiểu 1% tổng mức đầu tư/năm.

+ Tuyển dụng và sử dụng ít nhất 50% lao động là người địa phương khi dự án đi vào hoạt động ổn định.

b) Đối với tổ chức là doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào lĩnh vực sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn, sản xuất thiết bị điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

3. Điều kiện hỗ trợ:

Tổ chức, doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều này được xem xét hỗ trợ kinh phí khi thực hiện dự án đáp ứng các điều kiện sau:

a) Điều kiện hỗ trợ chung:

Sản phẩm, dịch vụ của dự án ưu tiên thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm ban hành kèm theo Thông tư số 31/2025/TT-BKHCHN ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật và hệ thống quản lý chất lượng theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Trường hợp dự án sử dụng dây chuyền công nghệ, thiết bị đã qua sử dụng, phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại Thông tư số 30/2025/TT-BKHCHN ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành tiêu chí đối với dây chuyền công nghệ, thiết bị, máy móc, công cụ đã qua sử dụng được nhập khẩu phục vụ trực tiếp dự án sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn và hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

Ưu tiên các dự án đổi mới sáng tạo: Dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu cấp tỉnh trở lên hoặc dự án sở hữu bằng sáng chế, giải pháp hữu ích còn hiệu lực liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất.

Tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm tự chứng minh việc đáp ứng các tiêu chí nêu trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin cung cấp trong hồ sơ. Hồ sơ minh chứng được thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

b) Điều kiện hỗ trợ cụ thể:

- Đối với dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn:

+ Có tổng mức đầu tư từ 20 tỷ đồng trở lên.

+ Sản phẩm của dự án phải thuộc Danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ Mục tiêu của dự án là sản xuất nguyên liệu, vật tư, linh kiện để cung cấp trực tiếp cho các dự án sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Công nghiệp công nghệ số.

+ Có năng lực nghiên cứu, thiết kế hoặc sản xuất trong lĩnh vực công nghệ cao; có đội ngũ nhân sự kỹ thuật trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành phù hợp như điện tử, bán dẫn, cơ điện tử, công nghệ thông tin, chiếm tối thiểu 15% tổng số lao động của dự án, đồng thời có đội ngũ quản lý có kinh nghiệm tổ chức và triển khai các dự án công nghệ cao.

+ Tỷ lệ nội địa hóa: Dự án cam kết đạt tỷ lệ giá trị nguyên liệu, vật tư nội địa hoặc linh kiện do doanh nghiệp Việt Nam cung ứng chiếm tối thiểu 20% giá trị sản phẩm.

- Đối với dự án sản xuất thiết bị điện tử:

+ Dự án phải có tổng mức đầu tư từ 20 tỷ đồng trở lên.

+ Có năng lực thiết kế, sản xuất hoặc lắp ráp thiết bị điện tử, thiết bị viễn thông, thiết bị Internet vạn vật (Internet of Things - IoT), cảm biến, thiết bị tự động hóa hoặc thiết bị tích hợp chip bán dẫn.

+ Có kỹ sư, chuyên gia trong các lĩnh vực điện tử, công nghệ thông tin, tự động hóa, cơ điện tử hoặc kỹ thuật điều khiển, chiếm tối thiểu 15% tổng số lao động của dự án; đồng thời có đội ngũ quản lý có kinh nghiệm tổ chức và triển khai các dự án công nghệ cao.

+ Sản phẩm có yếu tố ứng dụng công nghệ bán dẫn hoặc chip thiết kế trong nước, có mục tiêu tăng tỷ lệ nội địa hóa, thay thế nhập khẩu hoặc liên kết trực tiếp với doanh nghiệp thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử chip bán dẫn.

+ Có hợp tác nghiên cứu, phát triển hoặc sản xuất với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước.

+ Dự án có hợp đồng nguyên tắc với đối tác hoặc văn bản ghi nhớ hợp tác với tổ chức, doanh nghiệp trong chuỗi giá trị sản xuất thiết bị điện tử.

4. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Nội dung hỗ trợ đối với dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử bao gồm sản xuất mẫu thử, mua công nghệ và đổi mới công nghệ theo định mức:

Sản xuất mẫu thử: Mức hỗ trợ bằng 25% tổng giá trị quyết toán chi phí sản xuất mẫu thử hoàn thành nhưng tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án;

Mua công nghệ: Mức hỗ trợ bằng 50% tổng giá trị quyết toán chi phí mua hoặc nhận chuyển giao công nghệ hoàn thành nhưng tối đa không quá 20 tỷ đồng/dự án;

Đổi mới công nghệ: Mức hỗ trợ bằng 25% tổng giá trị quyết toán chi phí đổi mới công nghệ hoàn thành nhưng tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án.

b) Đối với các dự án có quy mô đầu tư lớn, có tính chất đặc biệt quan trọng hoặc mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội vượt trội cho địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ cao hơn mức quy định tại điểm a khoản này nhưng không quá 1,5 lần mức trần tối đa quy định, tùy vào khả năng cân đối ngân sách địa phương từng thời kỳ.

Điều 9. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ tại Quy định này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nguồn ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên cho các hoạt động kinh tế và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỖ TRỢ

Điều 10. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

1. Tên thủ tục hành chính: Hỗ trợ dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số; dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số; dự án thiết kế chip bán dẫn; dự án tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Thành phần hồ sơ được quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này

3. Trình tự, thủ tục

Thời gian giải quyết: 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

a) Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ (bằng tiếng Việt) về Sở Khoa học và Công nghệ (qua Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích).

Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ theo quy định về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

b) Trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định xem xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

c) Trong thời gian 14 (mười bốn) ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng thẩm định, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc hỗ trợ.

đ) Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị xem xét, quyết định việc hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ:

Trường hợp thống nhất việc hỗ trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ làm căn cứ pháp lý để thực hiện chi hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

Trường hợp không thống nhất việc hỗ trợ: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản thông báo kết quả xem xét, nêu rõ lý do không thống nhất, nội dung và mức hỗ trợ đã đề xuất của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp để tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và cơ quan liên quan được biết.

e) Trong 01 (một) ngày làm việc, sau khi nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ trả kết quả cho doanh nghiệp.

Thông tin về các dự án, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp được hỗ trợ được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long.

Điều 11. Hội đồng thẩm định

1. Tùy thuộc vào từng trường hợp đề nghị hỗ trợ cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định để tiến hành thẩm tra hồ sơ, trong đó đại diện Sở Khoa học và Công nghệ là Chủ tịch Hội đồng thẩm định, đại diện Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan là thành viên Hội đồng thẩm định.

2. Hội đồng thẩm định hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, quyết định theo nguyên tắc đa số hoặc quá bán. Trường hợp ý kiến của thành viên ngang nhau (50/50) thì quyết định theo bên có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng thẩm định. Phiên họp của Hội đồng thẩm định phải có ít nhất 2/3 thành viên của Hội đồng thẩm định tham dự. Chi phí cho Hội đồng thẩm định được thực hiện theo quy định về hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh.

Phụ lục
THÀNH PHẦN HỒ SƠ MẪU
HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC DỰ ÁN, NỘI DUNG
THEO QUY ĐỊNH TẠI LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG

(Ban hành kèm theo Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, nội dung theo quy định tại Luật Công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long kèm theo Nghị quyết số 32/2026/NQ-HĐND)

Phụ lục I

ÁP DỤNG CHO: HỖ TRỢ DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM, CUNG
CẤP DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ (theo Điều 4)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ:

1. Văn bản đề nghị xác nhận dự án thuộc đối tượng hỗ trợ theo Mẫu 01
2. Văn bản đề nghị hỗ trợ theo Mẫu 02.
3. Tài liệu, hồ sơ, chứng từ chứng minh tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí và điều kiện hỗ trợ theo Mẫu 03.

II. CÁC BIỂU MẪU:

1. Văn bản đề nghị xác nhận dự án (Mẫu 01):

TÊN TỔ CHỨC/DOANH
NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp:
2. Mã số tổ chức/doanh nghiệp:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Người đại diện theo pháp luật:
- Họ và tên:; Chức vụ:.....
- Số định danh cá nhân/CC/Hộ chiếu:..... ngày cấp.....;nơi cấp.....
5. Điện thoại/Email liên hệ:
6. Tên dự án:
7. Địa điểm thực hiện dự án:.....

8. Ngành, lĩnh vực hoạt động:

9. Tổng mức đầu tư: (tỷ đồng).

10. Loại dự án:

☐ Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm.

☐ Dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn.

☐ Dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo.

11. Nội dung đề nghị: Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, xác nhận dự án nêu trên thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

12. Cam kết: Tổ chức/doanh nghiệp cam kết cung cấp thông tin, tài liệu trung thực, đầy đủ; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hồ sơ và việc sử dụng nguồn hỗ trợ (nếu được chấp thuận)./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

2. Văn bản đề nghị hỗ trợ (Mẫu 02):

**TÊN TỔ CHỨC/DOANH
NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp:

2. Mã số tổ chức/doanh nghiệp:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:; Chức vụ:.....

- Số định danh cá nhân/CC/Hộ chiếu: ngày cấp.....nơi cấp.....

5. Tên dự án:

6. Quy mô, tổng mức đầu tư:

7. Thời gian thực hiện:

8. Mục tiêu và sản phẩm đầu ra của dự án:

9. Các nội dung đề nghị hỗ trợ:

☐ Đầu tư xây dựng nhà máy.

☐ Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

☐ Trang thiết bị máy móc.

10. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:đồng (bằng chữ:.....)

11. Tỷ lệ hỗ trợ theo quy định: %

12. Cam kết: Tổ chức/doanh nghiệp cam kết sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát theo quy định; hoàn trả hỗ trợ nếu vi phạm cam kết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

3. Tài liệu, hồ sơ, chứng từ chứng minh tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí và điều kiện hỗ trợ (Mẫu 03):

TÀI LIỆU, HỒ SƠ, CHỨNG TỪ CHỨNG MINH TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ VÀ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ

1. Hồ sơ pháp lý của Doanh nghiệp và Dự án:

- Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Bản chụp Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
- Báo cáo tài chính.

2. Tài liệu thuyết minh:

a) Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm

- Thuyết minh tổng vốn đầu tư.
- Thuyết minh sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ số trọng điểm (kèm bảng đối chiếu danh mục của Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành).
- Thuyết minh sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (kèm chứng nhận/kiểm định nếu có hoặc lộ trình áp dụng).

- Thuyết minh kế hoạch đào tạo kỹ năng số cho người lao động của tỉnh.

b) Dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn

- Thuyết minh tổng vốn đầu tư.
- Thuyết minh nội dung dự án trong chuỗi bán dẫn (R&D/thiết kế/sản xuất/đóng gói/kiểm thử).
- Thuyết minh sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ số trọng điểm hoặc Danh mục nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp

bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển (kèm bảng đối chiếu danh mục của Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành).

- Thuyết minh nhân lực kỹ thuật bán dẫn tham gia dự án (danh sách và hồ sơ năng lực).

- Thuyết minh kế hoạch phát triển nhân lực bán dẫn theo giai đoạn.

- Thuyết minh/đính kèm hợp tác với ít nhất 01 trường đại học/giáo dục nghề nghiệp trong tỉnh để đào tạo, thực tập.

c) Dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo

- Thuyết minh tổng vốn đầu tư.

- Thuyết minh tuân thủ pháp luật về dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, bảo vệ dữ liệu cá nhân và giải pháp an ninh mạng.

- Thuyết minh dự án đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu theo quy định tại Thông tư số 42/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các trung tâm dữ liệu (kèm hồ sơ thiết kế/đánh giá hoặc lộ trình chứng nhận).

- Thuyết minh cam kết hiệu quả sử dụng điện năng ở mức tiên tiến, giải pháp và cách đo/giám sát.

- Thuyết minh hệ thống phòng cháy, chữa cháy và an toàn thông tin theo quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục II

ÁP DỤNG CHO: HỖ TRỢ DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO TRONG CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ (theo Điều 5)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ:

1. Văn bản đề nghị hỗ trợ theo Mẫu 04
2. Bản thuyết minh dự án khởi nghiệp theo Mẫu 05
3. Mẫu quyết định hỗ trợ kinh phí dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số theo Mẫu 06
4. Tài liệu, hồ sơ, chứng từ chứng minh tổ chức, cá nhân đáp ứng tiêu chí và điều kiện hỗ trợ

II. CÁC BIỂU MẪU:

1. Văn bản đề nghị hỗ trợ (Mẫu 04):

**TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long

1. Tên tổ chức, cá nhân:
 2. Mã tổ chức:
 3. Mã số định danh cá nhân/căn cước công dân:/ngày cấp:/ Nơi cấp:
 4. Thông tin liên lạc:.....
 5. Tên dự án:
- Dự án đang ở giai đoạn:
- ☐ Tiền ươm tạo; ☐ Ươm tạo; ☐ Tăng tốc.
6. Quy mô, tổng mức đầu tư:
 7. Tổng thời gian thực hiện:
 8. Tóm tắt dự án (Mục tiêu và sản phẩm đầu ra của dự án, hiệu quả):

(Đề nghị trình bày theo định dạng trang A4, không quá 300 từ).

Đề xuất đầy đủ, rõ ràng, xác định cụ thể mục tiêu, nội dung, phương án triển khai, kết quả đầu ra dự kiến, kế hoạch tài chính.

9. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ: đồng (bằng chữ:)

10. Nguồn vốn đối ứng (nếu có):

11. Thuyết minh dự án *(theo mẫu 2 đính kèm)*

12. Nội dung đề nghị hỗ trợ:

- ☐ Đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số
- ☐ Thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số
- ☐ Nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm;
- ☐ Tư vấn khởi nghiệp;
- ☐ Mua công nghệ và hỗ trợ công nghệ.

13. Cam kết *(tổ chức, cá nhân cam kết về tính xác thực và chịu trách nhiệm đối với các thông tin khai báo; cam kết về sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát theo quy định; hoàn trả kinh phí nếu vi phạm cam kết):*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

2. Bản thuyết minh dự án khởi nghiệp (Mẫu 05):

THUYẾT MINH DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO TRONG CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

1. Thông tin dự án

- Tên dự án:
- Lĩnh vực:
- Dự án đang ở giai đoạn:
 - ☐ Tiền ươm tạo; ☐ Ươm tạo; ☐ Tăng tốc
- Địa điểm triển khai:
- Chủ nhiệm dự án:
 - + Họ tên:
 - + SĐT: Email:

2. Tóm tắt dự án

- Thực trạng, xu hướng và vấn đề của dự án cần giải quyết:
- Sản phẩm/giải pháp:
- Khách hàng/đối tượng hưởng lợi:
- Kết quả:

3. Nội dung chính của dự án thực hiện khi được hỗ trợ:

STT	Hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Thuyết minh kinh phí	Kết quả dự kiến	Ghi chú
01	Hoạt động 1:....				
02	Hoạt động 2:.....				
n	Hoạt động n:.....				

4. Quản trị rủi ro và phương án giải quyết:

5. Đề xuất hình thức thanh toán:

Kính mong cơ quan có thẩm quyền xem xét, tạo điều kiện hỗ trợ để dự án phát triển.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

3. Mẫu quyết định hỗ trợ kinh phí dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số (Mẫu 06):

UBND TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hỗ trợ kinh phí dự án khởi nghiệp sáng tạo
trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Theo đề nghị tại Tờ trình số /TTr-SKHCN ngày tháng năm ... của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hỗ trợ kinh phí cho dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số, cụ thể như sau:

1. Thông tin đơn vị được hỗ trợ:

- Tên đơn vị:
- Địa chỉ:
- Họ và tên người đại diện:
- Mã số định danh/căn cước công dân:/ngày cấp/nơi cấp:
- Số Giấy chứng nhận đăng ký:
- Điện thoại:
- Tài khoản nhận hỗ trợ:
 - + Tên tài khoản:
 - + Số tài khoản:
 - + Mở tại: Ngân hàng

2. Nội dung hỗ trợ:

- Nội dung 1:

- Nội dung 2:
- Nội dung 3:
- Thời gian thực hiện hỗ trợ: Năm

3. Kinh phí hỗ trợ:

- Tổng mức kinh phí đã thực hiện (*chi phí thực tế*):VNĐ
(*Bằng chữ:*)
- Tổng mức kinh phí được hỗ trợ: VNĐ (*Bằng chữ.....*).
- Nguồn kinh phí: Kinh phí sự nghiệp khoa học của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với những nội dung khai báo trong hồ sơ và quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Tổ chức/cá nhân..... và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho bạc Nhà nước khu vực XIX;
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH

Phụ lục III

ÁP DỤNG CHO: HỒ TRỢ DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN DỰ ÁN THIẾT KẾ CHIP BÁN DẪN (Theo Điều 7)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ:

1. Văn bản đề nghị xác nhận dự án thuộc đối tượng hỗ trợ theo Mẫu 07 ban hành kèm theo Quy định này.
2. Văn bản đề nghị hỗ trợ theo Mẫu 08.
3. Tài liệu, hồ sơ, chứng từ chứng minh doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí và điều kiện hỗ trợ theo Mẫu 09.

II. CÁC BIỂU MẪU:

1. Văn bản đề nghị xác nhận dự án (Mẫu 07):

**TÊN DOANH
NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:
2. Mã số tổ chức, doanh nghiệp:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ tên: ; Chức vụ:
 - Số định danh cá nhân/CC/Hộ chiếu:ngày cấp.....nơi cấp...
5. Điện thoại/Email liên hệ:
6. Tên dự án:
7. Địa điểm thực hiện dự án:
8. Ngành, lĩnh vực hoạt động:
9. Tổng mức đầu tư:.....(tỷ đồng).
10. Loại dự án: Dự án thiết kế chip bán dẫn
11. Nội dung đề nghị:

Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, xác nhận dự án nêu trên thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

12. Cam kết:

Tổ chức/doanh nghiệp cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung kê khai trong Hồ sơ.

Nơi nhận:

- Như trên:
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

2. Văn bản đề nghị hỗ trợ (Mẫu 08)

**TÊN DOANH
NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-
Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long

1. Tên tổ chức/ doanh nghiệp:
2. Mã số tổ chức/ doanh nghiệp:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ tên: ; Chức vụ:
 - Số định danh cá nhân/CC/Hộ chiếu: ngày cấpnơi cấp.....
5. Tên dự án:
6. Tổng mức đầu tư:
7. Thời gian thực hiện:
8. Mục tiêu và sản phẩm đầu ra của dự án:
9. Các nội dung đề nghị hỗ trợ:
10. Tổng chi phí đề nghị hỗ trợ: đồng (bằng chữ:)
11. Tỷ lệ hỗ trợ theo quy định:.....%.....
12. Cam kết:

Tổ chức/doanh nghiệp cam kết sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát theo quy định; hoàn trả hỗ trợ nếu vi phạm cam kết.

Nơi nhận:

- Như trên:
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

3. Tài liệu, hồ sơ, chứng từ chứng minh doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí và điều kiện hỗ trợ (Mẫu 09):

TÀI LIỆU, HỒ SƠ, CHỨNG TỪ CHỨNG MINH TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ VÀ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ

1. Hồ sơ pháp lý của Doanh nghiệp và Dự án:

- Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Bản chụp Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính (Báo cáo tài chính, xác nhận số dư ngân hàng).

2. Tài liệu thuyết minh dự án thiết kế chip bán dẫn:

- Năng lực thiết kế và công nghệ: mô tả quy trình/kiến trúc, công cụ EDA/IP (hợp đồng, hóa đơn, giấy phép).
- Nhân lực: danh sách kỹ sư/chuyên gia; hồ sơ lao động, bằng cấp/chứng chỉ.
- Kết quả R&D/sản phẩm mẫu: hồ sơ thiết kế, mô phỏng, prototype/biên bản thử nghiệm.
- Hợp tác/đào tạo/chuyển giao: Bản ghi nhớ/hợp đồng với viện/trường/doanh nghiệp; kế hoạch đào tạo.
- Báo cáo tài chính.

Phụ lục IV

ÁP DỤNG CHO: HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP THAM GIA CHUỖI CUNG ỨNG BÁN DẪN (Theo Điều 8)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ:

1. Văn bản đề nghị xác nhận dự án thuộc đối tượng hỗ trợ theo Mẫu 10.
2. Văn bản đề nghị hỗ trợ theo Mẫu 11.
3. Tài liệu, hồ sơ, chứng từ chứng minh tổ chức/doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí và điều kiện hỗ trợ theo Mẫu 12.

II. CÁC BIỂU MẪU:

1. Văn bản đề nghị xác nhận dự án (Mẫu 10):

TÊN TỔ CHỨC/DOANH
NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:
2. Mã số tổ chức, doanh nghiệp:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Người đại diện theo pháp luật:
- Họ tên: ; Chức vụ:.....
- Số định danh cá nhân/CC/Hộ chiếu: số:ngày cấp.....nơi cấp
5. Điện thoại/Email liên hệ:
6. Tên dự án:
7. Địa điểm thực hiện dự án:
8. Ngành, lĩnh vực hoạt động:
9. Tổng mức đầu tư:(tỷ đồng).
10. Loại dự án:
☐ Dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn
☐ Dự án sản xuất thiết bị điện tử
11. Nội dung đề nghị:
Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, xác nhận dự án nêu trên thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
12. Cam kết:

Tổ chức/doanh nghiệp cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung kê khai trong Hồ sơ.

Nơi nhận:

- Như trên:

- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

2. Văn bản đề nghị hỗ trợ (Mẫu 11):

**TÊN TỔ CHỨC/DOANH
NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm 2026

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long

1. Tên tổ chức/ doanh nghiệp:
2. Mã số tổ chức/ doanh nghiệp:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ tên: ; Chức vụ:
 - Số định danh cá nhân/CC/Hộ chiếu: số:.....ngày cấp.....nơi cấp...
5. Tên dự án:
6. Tổng mức đầu tư:
7. Thời gian thực hiện:
8. Mục tiêu và sản phẩm đầu ra của dự án:
9. Các nội dung đề nghị hỗ trợ:
10. Tổng chi phí đề nghị hỗ trợ: đồng (bằng chữ:)
11. Tỷ lệ hỗ trợ theo quy định: %.....
12. Cam kết:

Tổ chức/doanh nghiệp cam kết sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát theo quy định; hoàn trả hỗ trợ nếu vi phạm cam kết.

Nơi nhận:

- Như trên:

- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

3. Tài liệu, hồ sơ, chứng từ chứng minh tổ chức/doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí và điều kiện hỗ trợ (Mẫu 12):

TÀI LIỆU, HỒ SƠ, CHỨNG TỪ CHỨNG MINH TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ VÀ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ

1. Hồ sơ pháp lý của Doanh nghiệp và Dự án:

- Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Bản chụp Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính (Báo cáo tài chính, xác nhận số dư ngân hàng...)

2. Tài liệu thuyết minh:

- a) Dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp
 - Danh mục sản phẩm phụ trợ; hồ sơ công nghệ/dây chuyền, tiêu chuẩn chất lượng.
 - Nhân lực: danh sách kỹ sư/chuyên gia phù hợp.
 - Liên kết chuỗi cung ứng: hợp đồng/bản ghi nhớ cung ứng cho doanh nghiệp bán dẫn.
 - Kế hoạch tuyển dụng/đào tạo; hồ sơ mua/nhận chuyển giao công nghệ.
 - Phương án tài chính, dự toán cho nội dung xin hỗ trợ.
- b) Dự án sản xuất thiết bị điện tử
 - Năng lực nhà xưởng/dây chuyền/thiết bị; danh mục sản phẩm.
 - Nhân lực: danh sách kỹ sư/chuyên gia.
 - Hồ sơ kỹ thuật thể hiện tích hợp chip/bán dẫn; hợp đồng/bản ghi nhớ R&D/liên kết bán dẫn.
 - Tài liệu hợp đồng nguyên tắc hoặc biên bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác còn hiệu lực ký với tổ chức, doanh nghiệp trong chuỗi giá trị sản xuất thiết bị điện tử –

bán dẫn, thể hiện rõ đối tác liên kết, nội dung hợp tác (cung ứng, sản xuất hoặc ứng dụng sản phẩm chip/thiết bị điện tử), quy mô hoặc lộ trình dự kiến thực hiện.

- Kế hoạch thương mại hóa, doanh thu dự kiến; đơn hàng/hợp đồng nguyên tắc (nếu có).